

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH: HUẤN LUYỆN THỂ THAO

Major: Sports training

Mã số: 7140207

BẮC NINH, NĂM 2021

Số: 88/QĐ-TDTTBN

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình và kế hoạch đào tạo
cho các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BVHTTDL, ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh;

Căn cứ nội dung Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-TDTTBN ngày 20/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Bắc Ninh về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành Đại học chính quy.

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm 04 chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo các ngành Đại học chính quy của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho các khóa bắt đầu khai giảng từ năm học 2021-2022:

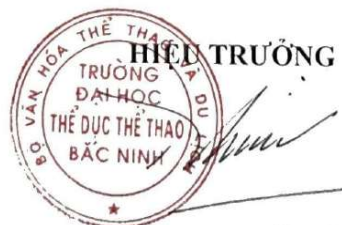
1. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Giáo dục thể chất;
2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Huấn luyện thể thao;
3. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Quản lý Thể dục thể thao;
4. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Y sinh học TDTT.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn và các đơn vị trong Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (B/c)
- Như điều 3 (T/h)
- Lưu VT; ĐT, QLKH&HTQT (C12)



PGS.TS. *Nguyễn Văn Phúc*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo quyết định số 883b /QĐ-ĐHTDTTBN ngày 24 tháng 09 năm 2021 của Hiệu Trưởng Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh)

1. Thông tin chung

Chương trình	Chương trình đào tạo đại học
Trình độ đào tạo	Đại học
Ngành đào tạo	Huấn luyện thể thao
Mã ngành	7140207
Hình thức đào tạo	Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Thời gian đào tạo	4 năm
Số tín chỉ	121
Quyết định mở ngành, cấp ban hành	
Kiểm định chương trình	
Thời điểm điều chỉnh	
Áp dụng từ năm tuyển sinh	
Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
Đơn vị quản lý chuyên môn	Khoa Huấn luyện thể thao

2. Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo và định hướng nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

2.1. Triết lý giáo dục

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, là nơi đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực có trình độ đại học; Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho HLV, trọng tài và hướng dẫn viên TDTT; NCKH, chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ TDTT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế trên toàn quốc.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- *Mục tiêu chung:*

Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thể dục thể thao; có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo trình độ cử nhân cung cấp cho người học nền tảng kiến thức rộng và chắc chắn để người học sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ và hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển thể dục thể thao của đất nước.

Đào tạo con người có khả năng sáng tạo và thích nghi với môi trường làm việc trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; có khả năng tự đào tạo để phát triển

chuyên môn nghề nghiệp và học tập suốt đời.

-Mục tiêu cụ thể:

a) Đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao;

Có năng lực trong công tác tuyển chọn, quản lý huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu, trọng tài, quản lý chuyên môn các đội thể thao.

Tổ chức các hoạt động, sự kiện Thể dục thể thao phục vụ cộng đồng; Hợp tác quốc tế phát triển lĩnh vực Thể dục thể thao.

CTĐT theo định hướng nghiên cứu đối với ngành HLTT nhằm đào tạo con người có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và xã hội, kiến thức cơ sở và chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

Hoặc CTĐT theo định hướng ứng dụng đối với ngành HLTT nhằm đào tạo con người có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và xã hội, kiến thức cơ sở và chuyên sâu theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

Hoặc CTĐT theo định hướng nghề nghiệp đối với ngành HLTT nhằm đào tạo con người có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và xã hội, kiến thức cơ sở và chuyên sâu theo hướng trang bị những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, phát triển năng lực làm việc gắn với một nhóm chức danh nghề nghiệp cụ thể.

b) Đào tạo con người có kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề về quản lý; có tư duy hệ thống, làm việc độc lập, theo nhóm; có khả năng thực hành nghề nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, tương tác, thuyết trình; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội.

c) Đào tạo con người có phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa thể thao, có trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra được các giải pháp phù hợp trong triển khai thực thi công việc. Có thái độ tích cực, ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu của xã hội, có khả năng học tập suốt đời.

Mã	Mô tả
PO1	Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức xã hội, sức khỏe đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực thể dục thể thao; có trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng; bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.
PO2	Chương trình đào tạo trình độ cử nhân cung cấp cho người học nền tảng kiến thức rộng và chắc chắn để người học sau khi tốt nghiệp có khả năng vận dụng các nguyên lý khoa học, kỹ thuật, công nghệ và hình thành kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển thể dục thể thao của đất nước. Đào tạo con người có khả năng sáng

	tạo và thích nghi với môi trường làm việc trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0; có khả năng tự đào tạo để phát triển chuyên môn nghề nghiệp và học tập suốt đời.
PO3	Đào tạo con người có phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa thể thao, có trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra được các giải pháp phù hợp trong triển khai thực thi công việc. Có thái độ tích cực, ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu của xã hội, có khả năng học tập suốt đời.
PO4	Đào tạo con người có kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề về quản lý; có tư duy hệ thống, làm việc độc lập, theo nhóm; có khả năng thực hành nghề nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, tương tác, thuyết trình; có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội.
PO5	Đào tạo nguồn nhân lực Thể dục thể thao có đầy đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị. Có kiến thức và khả năng vận dụng trong thực tiễn quản lý, hướng dẫn, giảng dạy và huấn luyện thể thao;

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã	Nội dung CDR
1.	Chuẩn về kiến thức
PLO1.1	Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo.
PLO1.2	Nắm vững và vận dụng thành thạo các nguyên tắc, phương pháp khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên trong huấn luyện- giảng dạy theo hướng cơ bản, hệ thống, phù hợp với thực tiễn phát triển TDTT Việt Nam.
PLO1.3	Có kiến thức cơ bản về tổ chức quản lý, có kiến thức về tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực TDTT, đặc biệt trong thể thao thành tích cao.
PLO1.4	Nắm vững và vận dụng tốt trong thực tiễn những kiến thức cơ bản về lý luận, khoa học và phương pháp huấn luyện thể thao hiện đại.
PLO1.5	Có trình độ, kỹ năng về huấn luyện- giảng dạy, giáo dục theo hướng cơ bản, khoa học và hiện đại về TDTT.
PLO1.6	Có kiến thức cơ bản về nguyên lý giáo dục, chuyên ngành HLTT cũng như các kiến thức liên quan đến công tác giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao.
PLO1.7	Có kiến thức cơ bản các môn thể thao không chuyên và tối thiểu đạt trình độ đẳng cấp III của ít nhất 2 môn thể thao không chuyên.
PLO1.8	Nắm vững và vận dụng tốt cơ sở lý luận và thực hành môn thể thao chuyên ngành.
PLO1.9	Biết xây dựng kế hoạch huấn luyện ngắn hạn, dài hạn môn thể thao

	chuyên ngành.
PLO1.10	Đạt trình độ tương đương đẳng cấp I trở lên ở môn thể thao chuyên ngành.
2.	<i>Chuẩn về kỹ năng</i>
PLO2.1	Biết tổ chức và triển khai quá trình tác nghiệp chuyên môn theo yêu cầu của công tác huấn luyện thể thao.
PLO2.2	Biết tổ chức điều hành huấn luyện và giáo dục một số các khoa học, hệ thống và phù hợp đối tượng.
PLO2.3	Biết phân tích và tổng hợp, kiểm tra, theo dõi đối tượng huấn luyện.
PLO2.4	Hình thành được phương pháp tự học tập để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nắm vững và sử dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học phục vụ cho thực tiễn công tác.
PLO2.5	Đạt thành tích thể thao ở trình độ vận động viên từ tương đương cấp I trở lên, có tri thức quân sự và thể lực tốt.
PLO2.6	Có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài và điều hành các giải thi đấu thể thao.
PLO2.7	Có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ trong lĩnh vực TDTT.
PLO2.8	Biết dự báo kết quả một cách khoa học trong tuyển chọn, kiểm tra, có năng lực điều chỉnh tâm lý và nhịp điệu hợp lý trong huấn luyện thể thao.
PLO2.9	Có khả năng cảm thụ, sáng tạo với tư duy sâu sắc, độc lập linh hoạt trong tổ chức, quản lý, giảng dạy – huấn luyện thể thao.
PLO2.10	Có khả năng giao tiếp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm.
PLO2.11	Kỹ năng nhận thức, phân tích, nghiên cứu và giải quyết vấn đề dựa trên nền tảng kiến thức đã được trang bị.
PLO2.12	Thành thạo trong việc soạn thảo văn bản chuyên môn như: kế hoạch công tác, chương trình giảng dạy – huấn luyện, kế hoạch huấn luyện dài hạn, ngắn hạn; giáo án, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, báo cáo công tác và các loại công văn giấy tờ nghiệp vụ khác.
3.	<i>Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>
PLO3.1	Trung thành với tổ quốc, có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.
PLO3.2	Thể hiện trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức, sở hữu kiến thức rộng để nhận thức được tác động của TDTT trong phạm vi địa phương, các tỉnh, thành ngành hoặc trên toàn quốc và trên thế giới.
PLO3.3	Năng động, cập nhật kiến thức và phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo trong công việc. Có ý thức trách nhiệm, có có lòng say mê nghề nghiệp được đào tạo, hết lòng phấn đấu cho sự nghiệp thể dục thể thao và đào tạo tài năng thể thao.

3.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và CĐR

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1.1	x	x			
PLO1.2	x	x			
PLO1.3	x	x			
PLO1.4	x	x			
PLO1.5	x	x			
PLO1.6	x	x			
PLO1.7	x	x			
PLO1.8	x	x			
PLO1.9	x	x			
PLO1.10	x	x			
PLO2.1			x	x	
PLO2.2			x	x	
PLO2.3			x	x	
PLO2.4			x	x	
PLO2.5			x	x	
PLO2.6			x	x	
PLO2.7			x	x	
PLO2.8			x	x	
PLO2.9			x	x	
PLO2.10			x	x	
PLO2.11			x	x	
PLO2.12					x
PLO3.1					x
PLO3.2					x
PLO3.3					x

3.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

a) Cơ hội việc làm:

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức.
- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động TDDT tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương;
- Có khả năng tham gia huấn luyện đội tuyển TDDT, hướng dẫn viên các CLB TDDT và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực TDDT;
- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi các hoạt động về TDDT tại các doanh nghiệp của Việt Nam, các công ty, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài;

b) Khả năng học tập nâng cao:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành HLTT có thể tiếp tục học sau đại học tại ngành đào tạo thuộc lĩnh vực TDDT trong nước hoặc có thể tiếp tục học tập bậc cao hơn tại các cơ sở đào tạo nước ngoài.

4. Chuẩn đầu vào

Người học các CTĐT ngành HLTT trình độ cử nhân phải đáp ứng các điều kiện:

- a) Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương phù hợp với quy định hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT, theo quy định tuyển sinh và đề án tuyển sinh của mỗi CSĐT. Hội đồng tuyển sinh của CSĐT đề xuất, quyết định và công bố các tiêu chí, ngưỡng điểm đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển được xây dựng trong quy định, đề án tuyển sinh của CSĐT.
- c) Chương trình đào tạo cụ thể cần làm rõ các yêu cầu bổ sung (nếu có) phù hợp với định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập hiệu quả và hoàn thành tốt CTĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

a) Thời gian đào tạo: 4 năm gồm 8 học kỳ với tổng số 2715 giờ, bao gồm thời gian thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, mỗi năm gồm 2 học kỳ.

b) Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (TC), chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

c) Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên thi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục - Đào tạo.
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được công nhận và cấp bằng Cử nhân Huấn luyện thể thao.
- Về nhân cách: Đến thời điểm xét và công nhận tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên.
- Về học lực: Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình. Điểm trung bình chung học tập đạt từ 1.0 (điểm D) trở lên.
- Về đẳng cấp: môn thể thao chuyên ngành đạt đẳng cấp tương đương I và 02 môn thể thao đạt đẳng cấp III.

6. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

6.1. Cấu trúc của chương trình

TT	Cấu trúc kiến thức	DVTC
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không gồm học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh)	30
2	Kiến thức cơ sở ngành.	31
2.1	Kiến thức bắt buộc (<i>Main part</i>)	16
2.2	Kiến thức lựa chọn (<i>Selected part</i>)	15
3	Kiến thức ngành	46
3.1	Kiến thức bắt buộc của ngành	06
3.2	Kiến thức lựa chọn ngành	16
3.3	Kiến thức lựa chọn chuyên ngành	24
4	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp	14
4.1	Thực tập nghiệp vụ	8
4.2	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)	6
	Tổng (30 + 31 + 46+ 14)	121

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
1	<i>Giáo dục đại cương</i>		30		
1.1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	1ĐC301 /1ĐC302	5	1,2	
1.2	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	1ĐC303	3	2	
1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1ĐC304	2	3	
1.4	Ngoại ngữ	Y1ĐC201	6	1,2	
1.5	Tin học đại cương	1ĐC103	2	2	
1.6	Tâm lý học đại cương	Y1TL101	2	2	
1.7	Giáo dục học đại cương	1TL201	2	3	
1.8	Thống kê toán học	1ĐC301	2	4	
1.9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1ĐC103	2	4	
1.10	Quản lý hành chính nhà nước	1QL201	2	2	
1.11	Pháp luật đại cương	1QL101	2	1	
1.12	Giáo dục quốc phòng và An ninh	1QP001-4	11	1	
2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		31		
	A. Bắt buộc				
2.1	Tâm lý học Thể dục thể thao	1TL102HYQ	2	4	
2.2	Giáo dục học Thể dục thể thao	1TL202HYQ	2	6	
2.3	Giải phẫu Thể dục thể thao	1YS701	2	1	
2.4	Sinh lý Thể dục thể thao	1YS301-2	4	4	
2.5	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao	1LL004-5H	4	5,6	
2.6	Quản lý thể thao thành tích cao	1QL204H	2	5	
	B. Tự chọn				
2.7	Sinh hóa TDDT	1YS401GYQ	2	8	
2.8	Hồi phục thể thao	1YS601HQ	2	7	
2.9	Vệ sinh Thể dục thể thao	1YS201	2	1	
2.10	Tuyển chọn thể thao	1TC001	2	5	
2.11	Kinh tế học TDDT	1QL301GH	2	8	
2.12	Y học TDDT	1YS101	3	7	
2.13	Đo lường thể thao	1ĐC102	2	5	
3	<i>Các môn kiến thức ngành</i>		46		
	A. Bắt buộc				
3.1	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	1ĐK007H	2	1	

3.2	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	1TD007H	2	1	
3.3	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	1BL007H	2	4	
3.4	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành		24	1-8	
	B.Tự chọn (16/30 tín chỉ)				
3.5	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ	1BR001H	2	6	
3.6	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ	1ĐK009H	2	6	
3.7	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền	1BC001H	2	4	
3.8	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng Bàn	1BB001H	2	8	
3.9	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn Súng	1BS001H	2	7	
3.10	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật	1VAT001H	2	5	
3.11	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt	1QV001H	2	7	
3.12	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá	1BD001H	2	5	
3.13	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf	1GO007H	2	5	
4	Thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp		14		
4.1	Thực tập nghiệp vụ lần 1	1TT001	3	3	
4.2	Thực tập nghiệp vụ lần 2	1TT002	5	5	
4.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	1LV001	6	8	
	Tổng số tín chỉ		121		

6.3. Mô tả học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin (5 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn đại cương. Học phần gồm 5 tín chỉ, chia thành 2 học phần. Học phần 1, đề cập đến khái lược, sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin; những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Học phần 2 giúp người học nắm bắt được những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam nằm trong khối kiến thức các môn đại cương. Học phần gồm 3 tín chỉ, cung cấp những tri thức có tính hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 cho đến nay. Từ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi

mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại,...).

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

4. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)

Học phần ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

5. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6. Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người. Học phần còn giới thiệu quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách. Qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách và sự hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm

7. Giáo dục học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm được: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển, hệ thống khái niệm riêng. Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ của giáo dục nước ta hiện nay, các con đường để thực hiện giáo dục. Học phần còn giáo dục sinh viên có tình cảm, ý thức trách nhiệm với việc học tập cũng như công tác sau này.

8. Thống kê toán học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về xác suất: Hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

10. Quản lý hành chính nhà nước (2 tín chỉ)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về những vấn đề chung của Nhà nước trên tất cả các mặt quan trọng như: quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý quốc phòng - an ninh, tôn giáo, dân tộc và miền núi, dân số, lao động, tài nguyên và môi trường, với các lĩnh vực quan trọng khác của đời sống xã hội như: giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế và TDTT.

11. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam.

12. Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

13. Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

14. Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (1 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

15. Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

16. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Qua đó góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao. Đồng thời góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao.

17. Giáo dục học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDTT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác sau khi ra trường. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho sinh viên.

18. Sinh lý Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chức năng và cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người ở điều kiện bình thường và những biến đổi ở các cơ quan dưới tác động của các hoạt động TDTT, từ đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và ứng dụng các kiến thức về

sinh lí học TDDT vào thực tiễn hoạt động giảng dạy, tập luyện thể thao sau này để nâng cao trình độ thể lực và thành tích thi đấu.

19. Giải phẫu Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo các cơ quan, các cơ chế, các quá trình sinh lí diễn ra ở các mức độ từ tế bào đến cơ thể của người. Mặt khác học phần còn cung cấp vai trò và hệ thống thần kinh và sự phát triển của các hệ cơ, xương, khớp trong cơ thể cũng như ảnh hưởng của các bài tập thể dục thể thao đến chức năng sinh lí trong cơ thể, để đảm bảo sự thống nhất trong nội bộ cơ thể như giữa cơ thể với môi trường và tác động của hoạt động thể dục thể thao lên cơ thể.

10. Lý luận và phương pháp giảng dạy Điền kinh (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Điền kinh 1 thuộc thể thao chuyên ngành trong chương trình đào tạo, là một học phần bắt buộc có nội dung rất đa dạng và phong phú, các bài tập điền kinh (chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa) có vị trí chủ yếu trong số bài tập nhằm phát triển thể lực. Môn Điền kinh trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kĩ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn điền kinh như: chạy cự li trung bình, chạy ngắn, nhảy xa và nhiều môn phối hợp; đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài của môn điền kinh.

21. Lý luận và phương pháp giảng dạy Thể dục (2 tín chỉ)

Phương pháp giảng dạy Thể dục là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên GDTC của chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lý thuyết môn Thể dục, Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không, bài tập phát triển chung với dụng cụ. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn Thể dục, phương pháp tập luyện, phương pháp tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học phần. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn thể thao khác.

22. Lý luận và phương pháp giảng dạy Bơi lội (2 tín chỉ)

Bơi lội là môn thể thao cơ bản trong chương trình GDTC nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bơi lội như: phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp trọng tài cách phòng chống đuối nước ,Giới thiệu nguồn gốc, lịch sử, xu hướng phát triển của môn Bơi lội và tác dụng của nó đến người học, thông qua học phần rèn luyện sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tầm vóc và phẩm chất , tâm lý tốt nhất cho người học. hình thành cho người học những phẩm chất: kiên trì, tự tin, vượt khó, tính kỷ luật, yêu thích vận động, có lòng yêu thương và hợp tác với nhau.

23. Tâm lý học quản lý (2 tín chỉ)

Học phần Tâm lý học quản lý trang bị kiến thức cơ bản về tâm lý học quản lý cho sinh viên ngành quản lý TDDT như: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý quản lý. Bản chất con người và một số quy luật tình cảm của con người. Tập thể và một số quy luật tâm lý tập thể. Lãnh đạo và tâm lý của lãnh đạo trong công tác quản lý. Giao tiếp trong quản lý.

24. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học TDTT như khái niệm, vai trò của TDTT, các phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện, nguyên tắc trong giảng dạy, cấu trúc quá trình giảng dạy,... Hình thành kỹ năng xây dựng và phân tích tập luyện trong TDTT.

25. Vệ sinh Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh trong luyện tập TDTT, tính chất và sự chuyển hóa các phân tử trong cơ thể sống; nguyên tắc vệ sinh tập luyện và thi đấu một số môn thể thao. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất và tập luyện TDTT.

26. Y học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện. Kiến thức và phương pháp để bước đầu đề phòng và xử lý các trường hợp xấu do tập luyện thiếu khoa học gây ra. Biết vận dụng phương pháp luyện tập để giữ gìn sức khỏe, tăng tuổi thọ. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH TDTT. Biết cách phân bố thời gian tập luyện thích hợp, ngăn ngừa các chấn thương và bệnh tật xảy ra, biết tổ chức và chăm sóc cuộc sống của cá nhân và tập thể một cách hợp lý, khoa học.

27. Đo lường Thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.

28. Quản lý thể thao thành tích cao (2 tín chỉ)

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về quản lý và quản lý thể dục thể thao, trên cơ sở đó giúp cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề trong quản lý lĩnh vực thể thao thành tích cao. Qua những kiến thức cơ bản này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức quản lý trong thực tiễn công tác huấn luyện cũng như công tác đào tạo vận động viên sau này.

29. Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn Quần vợt, nắm chắc những điều luật cơ bản trong thi đấu. Trang bị các phương pháp chuyên môn trong giảng dạy, huấn luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài theo dõi đánh giá sự phát triển của người tập, có khả năng vận động quần chúng và chỉ đạo, tổ chức xây dựng phong trào cơ sở.

30. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết: lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ thuật; về phương pháp giảng dạy. Hiểu được những kiến thức cơ bản về Luật bóng đá và phương pháp trọng tài. Về thực hành: các kỹ thuật động tác cơ bản, thể lực môn bóng đá; Hình thành năng lực sư phạm, khả năng tổ chức, tiến hành và quản

lý quá trình tổ chức hướng dẫn luyện tập môn bóng đá. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá.

31. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng chuyền và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật về phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài bóng chuyền. Hình thành các động tác kỹ thuật cơ bản chơi bóng chuyền. Phát triển năng lực vận động ; biết vận dụng hiểu biết, kỹ thuật động tác vào thi đấu với các loại hình chiến thuật khác nhau. Hình thành năng lực sư phạm, có khả năng tổ chức, tiến hành và quản lý quá trình giảng dạy môn học. Biết hướng dẫn luyện tập và biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.

32. Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về: Lịch sử phát triển môn bóng rổ; một số điều luật và các kỹ thuật, chiến thuật thi đấu; phương pháp trọng tài. Thực hành các kỹ thuật: các bước di chuyển trong bóng rổ; dẫn bóng; kỹ thuật chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực; kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay trên cao; kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ một tay dưới thấp; kỹ thuật tại chỗ cầm bóng qua người; chiến thuật tấn công nhanh; chiến thuật phòng thủ khu vực; phương pháp lên lớp; phương pháp thi đấu và thực hành trọng tài.

33. Kinh tế học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế, thị trường, cung cầu trên thị trường, thể thao và kinh tế. Đồng thời nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh tế vĩ mô, kinh tế thể thao, cung ứng hàng hóa TDTT. Từ đó, giúp người học có khả năng ứng dụng trong thực tiễn công tác quản lý TDTT nói chung và quản lý thị trường TDTT nói riêng.

34. Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf (2 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp giảng dạy thực hành Golf cơ bản, là học phần dành cho sinh viên không chuyên Golf, là một học phần nguyên vẹn với tổng số thời gian thực hiện học phần là 45 giờ, tương đương 2 tín chỉ. Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật gậy sắt và giới thiệu gậy gỗ của môn Golf; trang bị những kỹ năng thực hành kỹ thuật động tác đánh Golf trong quá trình học tập; trang bị cho sinh viên sơ bộ về kiến thức chung lịch sử ra đời, đặc điểm của môn Golf, luật chơi cơ bản, các thuật ngữ và phương pháp tính điểm với ghi biên bản đấu Golf; giúp sinh viên có khả năng nắm bắt kỹ thuật cơ bản của Golf. Nhằm cho sinh viên nắm bắt được một cách tổng hợp cơ bản bước đầu tri thức của môn Golf.

35. Thực tập nghiệp vụ lần 1 (3 tín chỉ)

Tìm hiểu, trực tiếp làm quen với điều kiện thực tiễn để sinh viên có hướng rèn luyện làm quen với thực tiễn hoạt động của các phòng, trung tâm, các Sở Văn hoá, Thể thao & Du lịch. Qua công tác thực tập nghiệp vụ lần 1 sẽ bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu ngành nghề, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong công tác chuyên môn.

36. Thực tập nghiệp vụ lần 2 (5 tín chỉ)

Tìm hiểu, làm quen với điều kiện thực tiễn ở cơ sở để sinh viên có hướng rèn luyện, học tập và hoàn thiện các nghiệp vụ chuyên môn về TĐTT. Giúp sinh viên củng cố và vận dụng kiến thức chuyên môn đã học vào thực tiễn phong trào TĐTT cơ sở, hình thành kỹ năng hoạt động chuyên môn. Bồi dưỡng tình yêu ngành nghề cho sinh viên, ý thức trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật của người cán bộ TĐTT, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trang bị kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiệp vụ TĐTT ở cơ sở.

37. Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kỹ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

8. Ma trận liên kết các học phần và CĐR

TT	Học phần		Chuẩn đầu ra																													
			Kiến thức									Kĩ năng																Mức độ tự chủ và trách nhiệm				
	Mã HP	Tên Hp	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 1.7	PLO 1.8	PLO 1.9	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 2.6	PLO 2.7	PLO 2.8	PLO 2.9	PLO 2.10	PLO 2.11	PLO 2.12	PLO 2.13	PLO 2.14	PL O3.1	PL O3.2	PL O3.3	PL O3.4	PL O3.5	PL O3.6	
A	Các môn đại cương																															
1	1ĐC301/1ĐC302	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
2	1ĐC303	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
3	1ĐC304	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0
4	1ĐC201/1ĐC202	Ngoại ngữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	1
5	1ĐC103	Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1
6	1TL101	Tâm lý học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
7	1TL201	Giáo dục học đại cương	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
8	1ĐC101	Thống kê toán học	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0
9	1ĐC106	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0
10	1QL201	Quản lý hành chính nhà nước	2	3	3	1	3	0	0	3	1	1	2	1	2	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	1	2	1	1	1
11	1QL101	Pháp luật đại cương	2	3	2	2	3	0	0	3	2	2	1	2	1	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	2	1	2	1	1	1	
12	1QP001	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	
13	1QP002	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	
14	1QP003	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1		1	

15	1QP004	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	1
B	Kiến thức cơ sở ngành																														
	I. Bắt buộc																														
1	1TL102HY Q	Tâm lý học Thể dục thể thao	0	1	1	2	1	0	0	1	1	0	0	0	0	2	1	1	0	1	0	1	2	0	0		2	1	0	2	2
2	1TL202HY Q	Giáo dục học Thể dục thể thao	0	1	1	1	2	0	0	1	2	0	0	0	0	1	2	2	0	2	0	1	2	0	0		2	2	0	1	2
3	1YS301/ 1YS302	Sinh lý Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	1
4	1YS701	Giải phẫu Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	0	0	0	2
5	1LL004H 1LL005H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	1
6	1QL204H	Quản lý thể thao thành tích cao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	0	0	0	2
	II.Tự chọn (15/36 tín chỉ)																														
7	1YS401GY Q	Sinh hóa TĐTT	0	0	0	1	2	2	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0
8	1YS601HQ	Hồi phục thể thao																													
9	1YS201	Vệ sinh Thể dục thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	2
10	1TC001	Tuyển chọn thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	2	0	0	0	2
11	1QL301G H	Kinh tế học TĐTT	0	0	0	1	2	2	3	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0
12	1YS101	Y học TĐTT																													
13	1ĐC102	Đo lường thể thao	0	0	2	0	2	0	0	0	0		2	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	2
C	Các môn kiến thức ngành																														
	I. Bắt buộc																														
1	1ĐK007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
2	1TD007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Thể dục	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2

3	1BL007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bơi lội	0	0	2	1	3	2	2	1	1	0	1	0	2	2	2	1	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	1	1	2
4	I(BS,CLV O,BCBR,B N,CV,BB, GO,VA,Q V,BĐ,ĐK, TD,BL)001 - 008H	Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao chuyên ngành	1	2	3	3	2	1	3	3	3	2	3	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	0	0	2	2	2	2	2	3
II.Tự chọn (16/30 tín chỉ)																															
5	1BR001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng rổ	0	3	2	2	1		1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	2
6	1ĐK009H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Cử tạ	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
7	1BC001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng chuyền	0	2	2	2	1	2	3	2	3	2	3	1	2	3	2	1	1	1	2	2	2	0	0	1	2	1	2	2	3
8	1BB001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng Bàn	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
9	1BS001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bắn Súng	0	3	2	2	1		1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	2
10	1VAT001 H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Vật	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
11	1QV001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Quần vợt	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3
12	1BĐ001H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Bóng đá	0	3	2	2	1		1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	0	0	1	2
13	1GO007H	Lý luận và phương pháp huấn luyện Golf	0	1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	2	3	3	3	1	3	2	2	2	1	0	0	1	2	2	2	2	3

9. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

9.1. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao có nhiều nội dung đòi hỏi gắn liền lý thuyết với thực hành. Do vậy, việc dành một tỷ lệ lớn quỹ thời gian cho thực hành là cần thiết.

Lý thuyết phải gắn liền và giữ vai trò chủ đạo đối với thực hành. Trong các giờ thực hành ngoài việc giải quyết các yêu cầu về thể lực, kỹ chiến thuật... cho hoạt động chuyên môn về TDTT, cần đặc biệt coi trọng thực hành để hình thành năng lực huấn luyện cho sinh viên.

Tăng cường áp dụng các phương pháp huấn luyện tích cực hướng vào việc đặt và giải quyết vấn đề thực tiễn của việc học tập và công tác sau này. Phải thực hiện tiêu chí quan trọng của dạy học đại học là dạy cách học cho sinh viên; trang bị cho họ những phương pháp và kỹ năng cơ bản để tăng cường khả năng tự học và nghiên cứu, có thói quen học tập suốt đời.

Đảm bảo cho sinh viên có đủ tài liệu và phương tiện học tập, khuyến khích việc giảm giờ lý thuyết trên lớp để tăng giờ thực hành và tự học cho sinh viên.

Tận dụng tối đa những công cụ và công nghệ dạy học mới. Trang bị các phòng tập đa năng, phòng y sinh học TDTT, phòng thí nghiệm mang tính đặc thù. Thường xuyên mời các chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau về giảng bài, cho sinh viên được tiếp xúc với các hoạt động TDTT thành tích cao.

Giao nhiệm vụ cho sinh viên vào thời gian tự học, nhất là đối với các nội dung hoàn thiện kỹ thuật động tác và nâng cao thành tích ở các môn thể thao.

TT	Mã PP	Tên PP	Nhóm PP
1	PPD1.1	Phương pháp động não	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động
2	PPD1.2	Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ	
3	PPD1.3	Phương pháp học dựa trên vấn đề	
4	PPD1.4	Phương pháp hoạt động nhóm	
5	PPD1.5	Phương pháp đóng vai	
6	PPD2.1	Học dựa vào dự án	Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm
7	PPD2.2	Mô phỏng	
8	PPD2.3	Nghiên cứu tình huống	
9	PPD2.4	Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	

* Sự tương thích của PP giảng dạy với CDR CTĐT (dùng dấu x)

	PPD1.1	PPD1.2	PPD1.3	PPD1.4	PPD1.5	PPD2.1	PPD2.2	PPD2.3	PPD2.4
PLO1.1	x	x	x	x					
PLO1.2	x	x	x	x					
PLO1.3	x	x	x	x		x			x
PLO1.4	x	x	x	x	x			x	x
PLO1.5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO1.6	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO1.7	x	x		x	x		x		x

PLO1.8	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO1.9	x	x	x	x	x	x		x	x
PLO2.1	x	x	x	x		x	x	x	
PLO2.2	x	x		x	x		x	x	x
PLO2.3	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.6	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.7	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.8	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.9	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.10	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.11	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.12	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO2.13	x	x		x			x	x	x
PLO2.14	x	x	x	x	x	x		x	x
PLO3.1	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.2	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.3	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.6	x	x	x	x	x	x	x	x	x

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Mã PP	Tên PP
1	PDG1	Đánh giá ý thức và thái độ học tập
2	PDG2	Đánh giá hồ sơ học phần
3	PDG3	Đánh giá theo hình thức vấn đáp
4	PDG4	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm
5	PDG5	Đánh giá theo hình thức tự luận
6	PDG6	Đánh giá theo hình thức thực hành
7	PDG7	Đánh giá viết báo cáo
8	PDG8	Đánh giá thuyết trình

* Sự tương thích của PP đánh giá với CDR CTĐT (dùng dấu x)

	PDG1	PDG2	PDG3	PDG4	PDG5	PDG6	PDG7	PDG8
PLO1.1	x	x	x		x		x	x
PLO1.2	x	x	x		x		x	x

PLO1.3	x	x	x		x		x	x
PLO1.4	x	x	x		x		x	x
PLO1.5	x	x	x		x		x	x
PLO1.6	x	x	x	x		x		
PLO1.7	x	x	x		x		x	x
PLO1.8	x	x	x		x		x	x
PLO1.9	x	x	x		x		x	x
PLO2.1	x	x	x		x		x	x
PLO2.2	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.3	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.4	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.5	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.6	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.7	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.8	x	x	x		x		x	x
PLO2.9	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.10	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.11	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.12	x	x	x		x	x	x	x
PLO2.13	x	x	x		x	x		
PLO2.14	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO3.1	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.2	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.3	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.4	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.5	x	x	x		x	x	x	x
PLO3.6	x	x	x		x	x	x	x

9.3. Đánh giá CDR của khóa học

9.3.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0
C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0

D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

9.3.2. Điểm đánh giá học phần

Thực hiện theo Quy chế đào tạo 08/2021/TT-BGDĐT. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Đánh giá quá trình	40%
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kỳ - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - <i>Học phần chỉ có lý thuyết</i> : điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). - <i>Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kỳ là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - <i>Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án</i> : điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	60%
3. Công thức tính điểm học phần 3.1. Học phần chỉ có lý thuyết Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + a_3 \times 0.6$ Trong đó, a: điểm học phần; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc học phần. 3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân. 3.3. Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án $a = a_1 \times 0.1 + a_2 \times 0.3 + (a_3 \times m + a_4 \times n) \times 0.6 / (m + n).$ Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a ₁ : điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a ₂ : điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a ₃ : điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a ₄ : điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. 3.4. Học phần thực tập cuối khóa - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a_1 \times 0.5 + a_2 \times 0.5$	

Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

10. Các chương trình đào tạo tham khảo

1. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, trường Đại học TDTT Đà Nẵng.
2. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, Trường đại học TDTT Bắc Kinh, Trung Quốc.
4. Chương trình đào tạo Đại học ngành HLTT, Học viện TDTT Thượng Hải, Trung Quốc.

11. Tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, nhân lực hỗ trợ

Nhà trường và khoa HLTT chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động của đội ngũ GV, NCV để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn 2021 - 2026, Nhà trường và khoa HLTT tiếp tục rà soát, sắp xếp nhân sự cho phù hợp với đề án vị trí việc làm thực tế tại khoa HLTT và tại đơn vị. Trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ GV, NCV phù hợp và hiệu quả hơn.

Khoa HLTT đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng, đặc biệt ưu tiên cho các tỉnh khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

Nhà trường thường xuyên rà soát vị trí việc làm của GV, NCV trong toàn trường để có căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển dụng, điều chuyển GV, NCV ở các vị trí còn thiếu cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường tăng cường chế độ chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích GV, NCV phát triển học hàm học vị cao.

Khoa HLTT xây dựng các chính sách bồi dưỡng năng lực tiếng Anh và cử GV có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ GV trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa HLTT sẽ thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV đồng thời có kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hàng năm. Có cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được giao để GV có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, Khoa HLTT tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV đầy đủ và toàn diện. Nhà trường thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của một số GV về thời gian giảng dạy.

Khoa bắt đầu tiến hành công tác chỉnh lý số hóa công tác quản lý kết quả công việc của giảng viên một cách toàn diện.

Khoa tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo kết quả công việc của giảng viên đầy đủ và hiệu quả công việc rõ ràng, công khai và dân chủ.

Khoa HLTT thực hiện nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước; công bố các bài báo khoa học

trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; xuất bản sách chuyên khảo, đặc biệt là công bố kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI.

Thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, Khoa HLTT sẽ đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa sẽ chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Nhà trường đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Là một trong những Trường Đại học đào tạo chuyên ngành về TDDT lớn nhất cả nước nên có hệ thống sân bãi, nhà tập luyện, dụng cụ tập luyện, thi đấu lớn, đầy đủ và đạt chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đủ đáp ứng được nhu cầu về giảng dạy, NCKH của CBGV và học tập của người học với quy mô đào tạo hiện nay. Công tác an ninh trật tự, an ninh nội bộ, bảo vệ tài sản và các biện pháp bảo vệ an toàn cho CBVC và người học thường xuyên được quan tâm, chú trọng, chưa để xảy ra lần nào mất an toàn về con người và tài sản.

Về đội ngũ CB, GV, NV: Nhà trường có đội ngũ CB, GV, NV có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn CB, GV, NV. Đặc biệt, Nhà trường có đội ngũ GV trẻ, nhiệt huyết, được đào tạo từ nhà trường và các trường danh tiếng nước ngoài, sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp đào tạo và phát triển Trường.

13. Hướng dẫn và thực hiện

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Huấn luyện Thể thao, được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Chương trình được thực hiện từ năm học 2021 - 2022 đối với các khóa đại học ngành Huấn luyện Thể thao. Chương trình cũng đã được biên soạn theo hướng đổi mới phương pháp dạy và học đại học.

HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học TDDT Bắc Ninh